

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2259/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2020

Đ UBND TỈNH TRÀ VINH
Ề Số 4397 ngày 31/12/20
N Chuyên: UBND, UBND,
UBND, UBND

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình) với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển hệ thống thông tin số liệu dân số theo hướng hiện đại và đồng bộ bảo đảm cung cấp đầy đủ tình hình, dự báo dân số tin cậy phục vụ quản lý nhà nước về dân số góp phần xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của mọi cơ quan, tổ chức, nhằm thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Thông tin số liệu trực tuyến về dân số được cập nhật, số hóa ở cấp xã đạt 90% năm 2025, đạt 100% năm 2030; cộng tác viên dân số thực hiện cập nhật thông tin số liệu trực tuyến bằng thiết bị di động thông minh đạt 90% năm 2030.

b) 100% kho dữ liệu chuyên ngành dân số các cấp được hiện đại hóa, hình thành hệ thống lưu trữ, kết nối thông tin số liệu dân số và phát triển vào năm 2025, tiếp tục duy trì và mở rộng sau năm 2025.

c) 100% cấp huyện xử lý, khai thác trực tuyến trên môi trường mạng các chỉ tiêu dân số và phát triển phục vụ chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước về dân số vào năm 2025; đến cấp xã đạt 100% năm 2030.

d) 80% ngành, lĩnh vực, địa phương sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số trong xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vào năm 2025; đạt 100% năm 2030.

đ) Phát triển các ứng dụng trên thiết bị di động thông minh đáp ứng nhu cầu sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số của các cơ quan, tổ chức trong xã hội đạt ít nhất 5 ứng dụng năm 2025; ít nhất 10 ứng dụng năm 2030.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến thông tin số liệu dân số và phát triển

a) Đa dạng hóa, nâng cao chất lượng các sản phẩm, ấn phẩm thông tin số liệu dân số. Phát triển bản đồ dân số điện tử; xây dựng báo cáo chuyên sâu, tài liệu, hướng dẫn; dự báo động thái, vấn đề dân số mới nảy sinh cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh. Cung cấp, chia sẻ thông tin dữ liệu chuyên ngành dân số thuận tiện, liên tục và theo thời gian.

b) Đổi mới phương thức cung cấp thông tin số liệu dân số và phát triển theo các hình thức khác nhau. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, các kênh thông tin truyền thông hiện đại, trực tuyến đến cơ quan, tổ chức và mọi người dân. Làm sâu sắc hơn nữa vai trò của thông tin số liệu dân số và phát triển trong công tác chỉ đạo, điều hành để đạt các mục tiêu về dân số; lồng ghép yếu tố dân số trong xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

c) Ban hành nghị quyết, kế hoạch để bảo đảm nguồn lực; phân công cụ thể từng địa phương, cơ quan, đơn vị tham gia thực hiện Chương trình.

2. Hoàn thiện cơ chế chính sách, quy định chuyên môn, kỹ thuật

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế phối hợp, chia sẻ, khai thác thông tin số liệu dân số và phát triển của các bộ, ngành, địa phương; chính sách hỗ trợ việc thu thập, cập nhật thông tin số liệu đầu vào, quản trị và vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

b) Rà soát, bổ sung các quy định về kỹ thuật, an toàn thông tin, an ninh dữ liệu, vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số; giám sát, đánh giá, thẩm định chất lượng thông tin số liệu.

3. Nâng cao chất lượng thông tin số liệu, hiện đại hóa kho dữ liệu chuyên ngành dân số

a) Đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng thu thập thông tin số liệu đầu vào của mạng lưới dân số các cấp, cộng tác viên dân số; rà soát, thẩm định thông tin số liệu; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả ba hình thức thu thập thông tin: Báo cáo định kỳ, điều tra thống kê, hồ sơ đăng ký hành chính trên cơ sở nhu cầu thông tin số liệu phục vụ quản lý điều hành.

b) Nâng cấp hệ thống kho dữ liệu chuyên ngành dân số

- Xây dựng, triển khai giải pháp để số hóa, cập nhật thông tin số liệu trực tuyến tại cấp xã; lưu trữ, quản lý dữ liệu tập trung tại kho dữ liệu chuyên ngành dân số cấp tỉnh, vùng, trung ương;

- Nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị của kho dữ liệu chuyên ngành dân số các cấp trên cơ sở kế thừa tối đa hạ tầng công nghệ thông tin sẵn có, kết hợp thuê một số dịch vụ;

- Ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ mới, phát triển các ứng dụng khai thác dữ liệu, dự báo dân số phục vụ yêu cầu quản lý, phân tích, chia sẻ, công bố thông tin số liệu dân số;

- Triển khai các giải pháp kết nối chia sẻ với cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương; hình thành công dữ liệu dân số; quản lý và giám sát an toàn thông tin; bảo mật các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật;

- Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin của các hệ thống thông tin trong phạm vi Chương trình.

c) Điều tra, khảo sát về dân số và phát triển; nhân khẩu học và sức khỏe. Nghiên cứu, thí điểm mô hình nâng cao chất lượng thu thập, cập nhật thông tin; xử lý các bài toán về động thái dân số.

4. Nâng cao năng lực cán bộ, cộng tác viên tham gia Chương trình

a) Tuyển chọn, đào tạo cán bộ chuyên sâu, chuyên gia về thống kê dân số, nhân khẩu học, công nghệ thông tin.

b) Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số về kiến thức và kỹ năng thu thập thông tin; xử lý, khai thác, lưu trữ số liệu dân số; quản trị, vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

5. Huy động nguồn lực và hợp tác quốc tế

a) Đa dạng hóa nguồn vốn thực hiện Chương trình, lồng ghép với các kế hoạch, chương trình, đề án, nhiệm vụ liên quan; huy động toàn bộ mạng lưới y tế, dân số, công tác viên dân số tham gia theo chức năng nhiệm vụ được giao bảo đảm hoạt động ở tuyến cơ sở. Bố trí chương trình, dự án về hệ thống thông tin chuyên ngành dân số vào chương trình, dự án đầu tư công. Vận động các nguồn vốn hợp pháp từ tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, ưu tiên phát triển các báo cáo phân tích; ứng dụng khai thác dữ liệu; các giải pháp nâng cao chất lượng thông tin số liệu.

b) Chủ động, tham gia đầy đủ, có trách nhiệm các diễn đàn đa phương, song phương, các tổ chức quốc tế, khu vực về thông tin, thống kê dân số. Đẩy mạnh hợp tác kỹ thuật, đào tạo, trao đổi chuyên gia, chuyển giao công nghệ; tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, tài chính của các chính phủ, tổ chức quốc tế để thực hiện nhanh, hiệu quả các mục tiêu của Chương trình.

III. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Chương trình do ngân sách nhà nước (chi thường xuyên, chi đầu tư) bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách trong từng thời kỳ, được bố trí trong dự toán chi đầu tư, chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình dự án khác.

Trong đó:

a) Ngân sách trung ương được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình ở trung ương để thực hiện các nhiệm vụ: Báo cáo chuyên sâu, dự báo dân số; đào tạo giảng viên, chuyên gia; đầu tư nâng cấp hệ thống kho dữ liệu chuyên ngành dân số; các can thiệp, mô hình thí điểm.

b) Ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động của Chương trình: Đào tạo, tập huấn; duy trì, cập nhật thông tin, số liệu; đầu tư nâng cấp và vận hành hệ thống kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

c) Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác là nguồn lực chủ yếu để các tổ chức và cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Y tế

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch, triển khai các nội dung của Chương trình.

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

c) Kiểm tra, giám sát, đánh giá; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

2. Các Bộ: Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch - Đầu tư (Tổng cục Thống kê) chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế hướng dẫn các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuyên môn về chia sẻ, kết nối kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số với cơ sở dữ liệu của các ngành liên quan.

3. Các Bộ: Công an, Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội và Bảo hiểm Xã hội Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế chia sẻ, kết nối với kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số.

4. Bộ Tài chính có trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện Chương trình của các Bộ, cơ quan trung ương trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp các dự án đầu tư công về nâng cấp hệ thống kho dữ liệu chuyên ngành dân số của Bộ Y tế và địa phương trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

6. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tham gia thực hiện Chương trình trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền kế hoạch, đề án, dự án thực hiện Chương trình; các chính sách hỗ trợ. Chủ động cân đối, phân bổ các nguồn lực bảo đảm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

b) Sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số trong xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

8. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và các tổ chức thành viên khác của Mặt trận trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia triển khai và giám sát việc thực hiện Chương trình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTTH, QHĐP, PL, TKBT;
- Lưu: VT, KGVX (2) vt. 20



Nguyễn Xuân Phúc